

QUY CHẾ

Tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 258/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (sau đây gọi tắt là Nhà trường hoặc Trường), các đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện tuyển sinh đại học hệ chính quy.

2. Quy chế này quy định về tuyển sinh đào tạo đại học hệ chính quy, bao gồm: Quy định chung; điều kiện dự tuyển, chính sách ưu tiên trong tuyển sinh; thủ tục và hồ sơ đăng ký dự thi (ĐKDT), đăng ký xét tuyển (ĐKXT); tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường trong công tác tuyển sinh; tổ chức kỳ thi các môn thi năng khiếu; xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển.

Công tác xử lý thông tin phản ánh vi phạm quy chế tuyển sinh; chế độ báo cáo, lưu trữ; khen thưởng và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh và các công tác liên quan khác được thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành đào tạo giáo viên mầm non hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây, gọi tắt là Quy chế của Bộ GDĐT).

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Kỳ thi tuyển sinh đại học hệ chính quy là công tác trọng tâm hàng năm của Nhà trường nhằm tuyển chọn được những sinh viên đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo của Nhà trường cả về chất lượng và số lượng theo chỉ tiêu đăng ký.

Nhà trường tổ chức kỳ thi các môn năng khiếu nhằm mục đích phát hiện năng khiếu thẩm mỹ, năng khiếu vẽ mỹ thuật và bố cục tạo hình của thí sinh, làm căn cứ để tuyển sinh đào tạo trình độ đại học cho các ngành năng khiếu của Trường.

2. Kỳ thi phải đảm bảo các yêu cầu: nghiêm túc, khách quan, công bằng; kết quả thi phản ánh đúng trình độ của thí sinh.

Điều 3. Ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh; tổ hợp xét tuyển

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo (gọi tắt là ngành), chỉ tiêu tuyển sinh; tổ hợp môn thi/xét tuyển và văn bằng tốt nghiệp được thể hiện trong bảng dưới đây.

TT	Mã xét tuyển	Nhóm ngành/Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Văn bằng tốt nghiệp
1	Nhóm ngành 1 (xét tuyển theo nhóm ngành)					
1.1	KTA01	Kiến trúc	7580101	500	V00: Toán, Vật lý, Vẽ mỹ thuật (Điểm Vẽ mỹ thuật nhân hệ số 2,0)	Kiến trúc sư
1.2		Quy hoạch vùng và đô thị	7580105			Kiến trúc sư
2	Nhóm ngành 2 (xét tuyển theo nhóm ngành)					
2.1	KTA02	Kiến trúc cảnh quan	7580102	100	V00: Toán, Vật lý, Vẽ mỹ thuật (Điểm Vẽ mỹ thuật nhân hệ số 2,0)	Kiến trúc sư
2.2		Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc	7580101_1			Kiến trúc sư
3	Nhóm ngành 3 (xét tuyển theo nhóm ngành)					
3.1	KTA03	Thiết kế đồ họa	7210403	230	H00: Ngữ văn, Hình họa mỹ thuật, Bố cục trang trí màu	Cử nhân
3.2		Thiết kế thời trang	7210404			Cử nhân
4	Nhóm ngành 4 (xét tuyển theo nhóm ngành)					
4.1	KTA04	Thiết kế nội thất	7580108	250	H00: Ngữ văn, Hình họa mỹ thuật, Bố cục trang trí màu	Cử nhân
4.2		Điều khắc	7210105			Cử nhân
5	Nhóm ngành 5 (xét tuyển theo nhóm ngành)					
5.1	KTA05	Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213	150	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn B00: Toán, Hóa học, Sinh học D07: Toán, Hoá học, Anh văn (70% chỉ tiêu của tất cả các ngành trong Nhóm ngành 5 được xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT)	Kỹ sư
5.2		Kỹ thuật hạ tầng đô thị	7580210			
5.3		Kỹ thuật môi trường đô thị	7580210_1			Kỹ sư
5.4		Công nghệ cơ điện công trình	7580210_2			Kỹ sư
5.5		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205			Kỹ sư
	Các ngành (xét tuyển theo từng ngành)					
6	7580201	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	7580201	350	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn D07: Toán, Hoá học, Anh văn (50% chỉ tiêu của các ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị, Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng được xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT)	Kỹ sư
7	7580201_1	Xây dựng công trình ngầm đô thị	7580201_1	50		Kỹ sư
8	7510105	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	7510105	50		Kỹ sư
9	7580302	Quản lý xây dựng	7580302	150	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn D01: Toán, Ngữ văn, Anh văn D07: Toán, Hoá học, Anh văn	Kỹ sư
10	7580301	Kinh tế Xây dựng	7580301	150		Kỹ sư
11	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	200	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn D07: Toán, Hoá học, Anh văn	Kỹ sư
				Tổng	2180 (chưa bao gồm 50 chỉ tiêu diện cử tuyển, tuyển thẳng)	

2. Đối với các ngành/nhóm ngành có nhiều hơn một tổ hợp xét tuyển, thì các tổ hợp xét tuyển được xét bình đẳng khi xác định điểm trúng tuyển. Do đó, thí sinh chỉ đăng ký **một** tổ hợp môn xét tuyển có kết quả điểm thi cao nhất.

3. Nhà trường có sử dụng kết quả miễn thi bài thi Anh Văn để xét tuyển; có xét tuyển với kết quả điểm các môn thi được bảo lưu trong kỳ thi THPT quốc gia các năm 2018, 2019; không bảo lưu điểm thi các môn năng khiếu.

4. Ngay sau khi thí sinh xác nhận nhập học, Hội đồng Tuyển sinh Trường (HĐTS Trường) sẽ tổ chức phân ngành học cho các thí sinh trúng tuyển vào nhóm ngành dựa trên các điều kiện: Điểm xét tuyển của thí sinh; nguyện vọng ngành học trong nhóm ngành trúng tuyển của thí sinh; chỉ tiêu tuyển sinh của ngành hoặc theo quyết định của Chủ tịch HĐTS Trường.

Điều 4. Phương thức xét tuyển

1. Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội áp dụng phương thức tuyển sinh đại học hệ chính quy như sau:

a) Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT của thí sinh đối với các tổ hợp xét tuyển quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này, trừ các tổ hợp V00, H00 có quy định riêng tại điểm c khoản này;

b) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT đối với các ngành trong Nhóm ngành 5 (mã xét tuyển KTA05) và các ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị, Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng.

Trường hợp tuyển sinh dựa vào kết quả học tập THPT chưa đủ chỉ tiêu của phương thức xét tuyển này, thì số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét theo phương thức dựa trên kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT;

c) Thi tuyển kết hợp với xét tuyển đối với các ngành thuộc các nhóm ngành có môn thi năng khiếu (có mã xét tuyển từ KTA01 đến KTA04).

- Đối với tổ hợp V00: Kết hợp thi tuyển bằng môn thi năng khiếu Vẽ mỹ thuật với các môn Toán và Vật lý của thí sinh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT.

- Đối với tổ hợp H00: Kết hợp thi tuyển bằng các môn năng khiếu là Hình họa mỹ thuật và Bố cục trang trí màu với môn Ngữ văn của thí sinh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT;

2. Thí sinh trúng tuyển các ngành Kiến trúc, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, nếu có nguyện vọng và đáp ứng được các điều kiện về điểm xét tuyển, trình độ ngoại ngữ theo quy định của Nhà trường sẽ được tham gia xét tuyển vào các lớp K+ (ngành Kiến trúc) hoặc X+ (ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp).

Điều 5. Điểm xét tuyển

1. Đối với thí sinh không sử dụng kết quả học tập bậc THPT để xét tuyển, điểm xét tuyển (D_{xt}) được xác định như sau (làm tròn đến hai chữ số thập phân):

$$D_{xt} = D_t + D_{ut}$$

Trong đó:

- D_t là tổng điểm các môn theo thang điểm 10 trong tổ hợp xét tuyển (đã nhân hệ số môn chính);

Đối với các ngành có tổ hợp xét tuyển V00, D_t có giá trị lớn nhất là 40 (môn Văn nghệ thuật nhân hệ số 2,0); đối với các ngành còn lại, D_t có giá trị lớn nhất là 30.

- D_{ut} là điểm ưu tiên, được xác định như sau:

+ Đối với các ngành có tổ hợp xét tuyển V00, điểm ưu tiên D_{ut} được xác định như sau:

$$D_{ut} = (D_{kv} + D_{dt}) \times 40/30$$

+ Đối với các ngành còn lại: $D_{ut} = D_{kv} + D_{dt}$

Với D_{kv} , D_{dt} lần lượt là Điểm ưu tiên theo khu vực và Điểm ưu tiên theo đối tượng, được xác định theo Quy chế của Bộ GDĐT.

2. Đối với thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT để xét tuyển, điểm xét tuyển được xác định dựa vào điểm trung bình chung của các môn trong tổ hợp xét tuyển thuộc 05 học kỳ đầu tiên bậc THPT, như sau (làm tròn đến hai chữ số thập phân):

$$D_{xt} = ĐTB_{môn 1} + ĐTB_{môn 2} + ĐTB_{môn 3} + D_{ut}$$

Trong đó:

- $ĐTB_{môn 1}$, $ĐTB_{môn 2}$, $ĐTB_{môn 3}$ lần lượt là điểm trung bình cộng của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (với thứ tự môn được xếp theo quy định ở khoản 1 Điều 3 của Quy chế này) trong 5 học kỳ đầu tiên bậc THPT, được tính theo công thức sau:

$$ĐTB_{môn} = (Đ_{hk1} + Đ_{hk2} + Đ_{hk3} + Đ_{hk4} + Đ_{hk5})/5$$

với: $Đ_{hk1}$ là điểm của học kỳ 1 lớp 10; $Đ_{hk2}$ là điểm của học kỳ 2 lớp 10; $Đ_{hk3}$ là điểm của học kỳ 1 lớp 11; $Đ_{hk4}$ là điểm của học kỳ 2 lớp 11; $Đ_{hk5}$ là điểm của học kỳ 1 lớp 12;

- D_{ut} là điểm ưu tiên, được xác định theo khoản 1 Điều này.

Điều 6. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

1. Đối với các tổ hợp xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT: Nhà trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trên trang thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ <http://www.hau.edu.vn/> và trên trang thông tin

tuyển sinh của Trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hau.edu.vn> trước khi thí sinh điều chỉnh nguyện vọng.

Nếu dùng kết quả thi được bảo lưu từ kỳ thi THPT quốc gia các năm 2018, 2019, để xét tuyển năm 2020, thí sinh phải có điểm xét tuyển của năm 2020 lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của tổ hợp, ngành xét tuyển vào năm tương ứng. Điều kiện này không áp dụng cho thí sinh đăng ký các ngành năng khiếu thuộc các tổ hợp xét tuyển V00, H00.

2. Đối với các tổ hợp xét tuyển của phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT, để được ĐKXT, thí sinh phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Tổng điểm trung bình cộng 3 môn trong tổ hợp xét tuyển ($ĐTB_{môn 1} + ĐTB_{môn 2} + ĐTB_{môn 3}$) phải lớn hơn hoặc bằng 18,0 điểm;

b) Với mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển, các điểm thuộc học kỳ 1 lớp 11 ($Đ_{hk3}$), học kỳ 2 lớp 11 ($Đ_{hk4}$), học kỳ 1 lớp 12 ($Đ_{hk5}$) phải lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm.

3. Đối với các tổ hợp xét tuyển có môn thi năng khiếu

a) Các môn thi văn hóa: Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

b) Các môn thi năng khiếu:

- *Tổ hợp V00 (các nhóm ngành 1 và 2):* Môn Vẽ mỹ thuật gồm hai bài thi Vẽ mỹ thuật 1 (MT1) và Vẽ mỹ thuật 2 (MT2) được chấm theo thang điểm 5.

- Điểm môn Vẽ mỹ thuật được tính như sau:

Điểm môn Vẽ mỹ thuật = Điểm bài thi Vẽ mỹ thuật 1 + Điểm bài thi Vẽ mỹ thuật 2.

- Điểm môn Vẽ mỹ thuật sau khi **nhân hệ số 2,0** phải đạt tối thiểu để được xét tuyển như sau:

8,00 đối với thí sinh thuộc khu vực 1 (KV1);

9,00 đối với thí sinh thuộc khu vực 2, khu vực 2 – nông thôn (KV2, KV2-NT);

10,00 đối với thí sinh thuộc khu vực 3 (KV3).

- *Tổ hợp H00 (các nhóm ngành 3 và 4):* Hai môn thi năng khiếu là Hình họa mỹ thuật (H1) và Bố cục trang trí màu (H2) được chấm theo thang điểm 10. Tổng điểm hai môn này **không nhân hệ số** phải đạt tối thiểu để được xét tuyển như sau:

8,00 đối với thí sinh thuộc KV1;

9,00 đối với thí sinh thuộc KV2, KV2-NT;

10,00 đối với thí sinh thuộc KV3.

Điều 7. Quy định về việc xác định thí sinh trúng tuyển

Thí sinh trúng tuyển phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có đủ điều kiện tham gia tuyển sinh quy định tại Điều 8 của Quy chế này;
2. Có điểm thi, kết quả học tập THPT đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào quy định tại Điều 6 của Quy chế này;
3. Có điểm xét tuyển đáp ứng các yêu cầu về điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh của Trường.

Chương II

ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

Điều 8. Điều kiện dự tuyển

1. Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).

2. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được cấp có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

3. Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm 2020, không được bảo lưu sang năm học sau.

4. Thí sinh ĐKXT vào các ngành năng khiếu có tổ hợp thi/xét tuyển V00, H00 phải tham dự kỳ thi năng khiếu năm 2020 do Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tổ chức.

5. Thí sinh ĐKXT bằng phương thức dựa vào kết quả học tập THPT cần đáp ứng được ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

Điều 9. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng và ưu tiên theo khu vực trong tuyển sinh được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 7 của Quy chế của Bộ GDĐT.

2. Đối tượng được xét tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT;

b) Người đã trúng tuyển vào Trường, nhưng ngay năm trúng tuyển có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại Trường. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức.

c) Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh. Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT.

d) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận thì được xét tuyển thẳng vào học các ngành học phù hợp do HĐTS Trường quyết định.

Những thí sinh đoạt giải ngành năng khiếu nghệ thuật, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào Trường.

e) Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT.

f) Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba các cuộc thi cấp tỉnh, thành phố trở lên, thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong các kì thi cấp quốc gia môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ Văn, Tin học, Sinh học, Ngoại ngữ. Thí sinh thuộc các đối tượng này phải tốt nghiệp năm 2020 và có học lực 3 năm THPT được xếp loại Khá trở lên.

g) Thí sinh có học lực cả 3 năm THPT được xếp loại giỏi trở lên và tốt nghiệp THPT năm 2020.

h) Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ TOEFL iBT đạt 70 điểm trở lên, IELTS đạt 5.5 điểm trở lên hoặc TOEIC đạt 550 điểm trở lên được xét tuyển thẳng vào Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc.

i) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học ngành phù hợp.

j) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Trường: Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt quy định tại Điều 6 của Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam để xem xét, quyết định cho vào học.

k) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ. Những thí sinh thuộc diện này phải học bổ sung kiến thức 1 (một) năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng quy định.

3. Thí sinh ĐKXT thẳng vào các ngành có môn thi năng khiếu (kể cả thí sinh diện cử tuyển) cần phải tham gia kì thi năng khiếu năm 2020 do Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội tổ chức và phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các môn thi năng khiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

4. Chỉ tiêu tuyển thẳng tối đa bằng 10% chỉ tiêu tuyển sinh mỗi ngành.

5. Đối tượng ưu tiên xét tuyển

a) Thí sinh thuộc diện được xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2 Điều này, nếu không dùng quyền xét tuyển thẳng thì được ưu tiên cộng điểm vào tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của ngành do Chủ tịch HĐTS quyết định.

Mức cộng điểm ưu tiên xét tuyển được quy định như sau:

- Các thí sinh thuộc diện quy định tại khoản a, b, c, g, h, i, j, k được cộng 3,0 điểm;

- Các thí sinh thuộc diện còn lại được cộng điểm theo các mức sau:

+ Đối với cuộc thi cấp quốc gia: Giải Nhất được cộng 3,0 điểm; giải Nhì được cộng 2,5 điểm; giải Ba được cộng 2,0 điểm;

+ Đối với cuộc thi cấp tỉnh, thành phố: Giải Nhất được cộng 2,5 điểm; giải Nhì được cộng 2,0 điểm; giải Ba được cộng 1,5 điểm.

b) Thí sinh thuộc diện dưới đây được ưu tiên cộng điểm vào tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của ngành do Chủ tịch HĐTS quyết định:

- Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải Tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được cộng 1,5 điểm;

- Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật đã tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT, không có bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống.

Mức cộng điểm như sau: giải Nhất được cộng 2,0 điểm; giải Nhì được cộng 1,5 điểm; giải Ba được cộng 1,0 điểm;

- Người đoạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp THPT hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Mức cộng điểm như sau: giải Nhất được cộng 2,0 điểm; giải Nhì được cộng 1,5 điểm; giải Ba được cộng 1,0 điểm.

- Các trường hợp khác do Chủ tịch HĐTS quyết định mức cộng điểm, nhưng mức cộng không quá 2,0 điểm.

c) Chỉ tiêu ưu tiên xét tuyển tối đa bằng 5% chỉ tiêu tuyển sinh mỗi ngành.

6. Một số chính sách khuyến khích người học

Ngoài các chế độ, chính sách ưu tiên đối với người học theo quy định chung của Nhà nước, Nhà trường còn áp dụng các chính sách khuyến khích đối với các thí sinh đăng ký nguyện vọng và trúng tuyển vào nhóm ngành KTA05 và các ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị, Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng. Cụ thể như sau:

- Miễn học phí một học kỳ cho 25% số thí sinh ĐKXT sớm;
- Cam kết 50% số sinh viên có thành tích học tập tốt nhất sẽ được Nhà trường giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp;

Ngoài ra, Nhà trường cũng dành tặng 19 suất học bổng cho 19 thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất tương ứng với 19 ngành đào tạo của Trường.

Chương III

THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI, ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

Điều 10. Quy định về thông tin, hình thức nhận và gửi hồ sơ ĐKDT, ĐKXT

1. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin ĐKDT, ĐKXT. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin ĐKXT và dữ liệu ĐKDT với hồ sơ gốc.

2. Để xét tuyển đợt 1, thí sinh nộp phiếu ĐKXT cùng với hồ sơ ĐKDT tốt nghiệp THPT theo quy định của sở GDĐT kèm theo lệ phí ĐKXT. Trong các đợt xét tuyển bổ sung (nếu có), thí sinh thực hiện ĐKXT và nộp lệ phí theo quy định của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

3. Các phiếu ĐKDT, ĐKXT, ĐKXT thắng do Trường Đại học Kiến trúc phát hành kèm theo Quy chế này, thí sinh có nhận và nộp theo các hình thức sau:

a) Hình thức nhận phiếu

- Tải (download) trên website thông tin tuyển sinh của Trường tại địa chỉ: <http://tuyensinh.hau.edu.vn>

- Nhận trực tiếp tại Phòng Đào tạo của Trường, địa chỉ: Km10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội.

b) Hình thức nộp phiếu

- Gửi qua đường bưu điện về Phòng Đào tạo, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, địa chỉ: Km10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội.

- Nộp trực tiếp tại Trường tại Bộ phận một cửa, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (tầng 1 nhà nối U-A), địa chỉ: Km10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội;

Điều 11. Thủ tục và hồ sơ ĐKDT, ĐKXT các ngành không có môn thi năng khiếu

1. Thí sinh ĐKXT các ngành thuộc Nhóm ngành 5 (mã xét tuyển KTA05), ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 10 của Quy chế này, phải khai và nộp thêm Phiếu ĐKXT ưu tiên ngành trong nhóm ngành (*Phụ lục 2*) do Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội phát hành.

2. Đối với thí sinh ĐKXT bằng kết quả học tập THPT cho các ngành/nhóm ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này, nộp cho Nhà trường Phiếu ĐKXT bằng kết quả học tập THPT theo mẫu (*Phụ lục 7*) hoặc khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu trên phần mềm ĐKXT trực tuyến của Nhà trường.

Nếu thí sinh dùng kết quả thi được bảo lưu từ kỳ thi THPT quốc gia các năm 2018, 2019, thì cần khai và nộp phiếu ĐKXT ở *Phụ lục 8* cho Trường.

Điều 12. Thủ tục và hồ sơ ĐKDT, ĐKXT các ngành có môn thi năng khiếu

1. Thí sinh ĐKXT vào các ngành năng khiếu có tổ hợp môn thi/xét tuyển V00, H00, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 10 của Quy chế này, phải khai và gửi hồ sơ ĐKDT cùng với lệ phí ĐKDT các môn thi năng khiếu cho Trường.

2. Hồ sơ ĐKDT vào các ngành năng khiếu bao gồm:

a) Hai phiếu ĐKDT (Phiếu số 1 và Phiếu số 2 ở *Phụ lục 1*) điền đầy đủ thông tin có xác nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Nếu thí sinh dùng kết quả thi các môn văn hoá được bảo lưu từ kỳ thi THPT quốc gia các năm 2018, 2019, thì cần khai và nộp phiếu ĐKXT ở *Phụ lục 8* cho Trường;

b) 03 (ba) ảnh chụp theo kiểu chứng minh thư (01 ảnh cỡ 4x6cm, 02 ảnh cỡ 3x4cm) có ghi họ, tên và ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh (quận/huyện, tỉnh/thành phố) của thí sinh ở mặt sau. Cả 03 ảnh được dán vào Phiếu số 1;

c) Một phong bì ghi rõ địa chỉ ở phần người nhận để Nhà trường gửi Giấy báo dự thi. Địa chỉ liên lạc thí sinh ghi rõ: Họ tên người nhận, thôn/xóm/số nhà/ngõ...; xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố; số điện thoại liên lạc.

Thí sinh nộp hồ sơ ĐKDT qua đường bưu điện cần nộp thêm 01 phong bì ghi rõ địa chỉ ở phần người nhận như trên để Nhà trường gửi lại Phiếu số 2 sau khi đã xác nhận hoàn thành thủ tục nộp hồ sơ ĐKDT;

d) Bản phô tô Giấy nộp tiền lệ phí nếu thí sinh nộp hồ sơ qua đường bưu điện;

Nếu thí sinh đồng thời ĐKXT các ngành có tổ hợp V00 và các ngành có tổ hợp H00 thì phải nộp hai bộ hồ sơ đầy đủ các nội dung như trên.

3. Thủ tục nộp hồ sơ ĐKDT và lệ phí ĐKDT các ngành năng khiếu

Thí sinh có thể lựa chọn hình các hình thức nộp hồ sơ ĐKDT và lệ phí ĐKDT như sau:

a) Nộp trực tiếp hồ sơ ĐKDT và lệ phí ĐKDT tại Bộ phận một cửa, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (tầng 1 nhà nối U-A), địa chỉ: Km10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội;

b) Nộp hồ sơ ĐKDT qua đường bưu điện và nộp lệ phí ĐKDT qua ngân hàng, thực hiện như sau:

- Nộp lệ phí vào tài khoản của Trường Đại học Kiến trúc theo số tài khoản:

4501.000.1111118 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - BIDV (chi nhánh Hà Tây). Nội dung ghi rõ: Nộp lệ phí dự thi môn năng khiếu của thí sinh:... (ghi rõ họ tên, số CMND của thí sinh);

- Gửi bản photocopy Giấy nộp lệ phí của ngân hàng kèm theo hồ sơ ĐKDT môn thi năng khiếu về Phòng Đào tạo, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, địa chỉ: Km10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội;

- Thí sinh nộp hồ sơ ĐKDT qua đường bưu điện chỉ được coi là hoàn tất thủ tục nộp hồ sơ khi thí sinh nhận được phiếu ĐKDT số 2 có xác nhận của Phòng Đào tạo của Nhà trường.

4. Lệ phí ĐKDT

a) Thí sinh ĐKDT các ngành có tổ hợp thi/xét tuyển V00:

+ Nộp hồ sơ ĐKDT trực tiếp tại Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội: 360.000đ/thí sinh;

+ Nộp hồ sơ ĐKDT qua đường bưu điện: 375.000đ/thí sinh (đã bao gồm 15.000đ lệ phí chuyển phát nhanh Phiếu số 2 cho thí sinh).

b) Thí sinh ĐKDT các ngành có tổ hợp thi/xét tuyển H00:

+ Nộp hồ sơ ĐKDT trực tiếp tại Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội: 400.000đ/thí sinh;

+ Nộp hồ sơ ĐKDT qua đường bưu điện: 415.000đ/thí sinh (đã bao gồm 15.000đ lệ phí chuyển phát nhanh Phiếu số 2 cho thí sinh).

Điều 13. Hồ sơ và thủ tục ĐKXT thẳng

1. Hồ sơ ĐKXT thẳng bao gồm:

a) Phiếu ĐKXT thẳng: Thí sinh thuộc diện nào thì chọn và khai đúng Phiếu ĐKXT thẳng trong các *Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5* và *Phụ lục 6*;

b) Các văn bản, tùy thuộc diện ĐKXT thẳng được quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy chế này, như sau:

TT	Diện ĐKXT thẳng	Văn bản cần nộp
1	Thuộc các điểm a, b, c, d, e	Ít nhất một trong các bản sao công chứng sau: - Chứng nhận là thành viên tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế hoặc chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi Khoa học, kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo); - Giấy chứng nhận đoạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; - Giấy chứng nhận đoạt giải trong Cuộc thi Khoa học, kỹ thuật quốc gia; - Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về mỹ thuật.
2	Thuộc điểm f	- Bản sao công chứng học bạ 3 năm học THPT; - Giấy chứng nhận đoạt giải một trong các môn thi.
3	Thuộc điểm g	- Bản sao công chứng học bạ 3 năm học THPT
4	Thuộc điểm h	- Bản sao công chứng học bạ 3 năm học THPT; - Ít nhất một trong các bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ.
5	Thuộc điểm k	- Bản sao công chứng học bạ 3 năm học THPT; - Bản sao công chứng hộ khẩu thường trú.

Lưu ý, nếu trúng tuyển, khi nhập học thí sinh cần mang theo bản gốc của các văn bản nêu trên để đối chiếu;

c) Hai (02) phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4x6 cm.

2. Nơi nộp hồ sơ ĐKXT thẳng:

a) Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, k khoản 2 Điều 9 của Quy chế này phải nộp hồ sơ ĐKXT thẳng tại Sở GDĐT địa phương;

b) Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại điểm f, g, h khoản 2 Điều 9 của Quy chế này phải nộp hồ sơ ĐKXT thẳng tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

3. Thời gian nộp hồ sơ ĐKXT thẳng và ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và thông báo của Nhà trường.

Chương IV

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRƯỜNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH

Điều 14. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS Trường

1. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập HĐTS Trường để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh, thanh tra tuyển sinh, quy định tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS, các chuyên môn thực hiện công tác tổ chức kỳ thi năng khiếu, bao gồm: Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Làm phách, Ban Chấm thi.

2. Thành phần của HĐTS trường gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: Trường hoặc Phó Trường phòng Đào tạo;

d) Các ủy viên: Một số trường hoặc phó trường phòng, trưởng hoặc phó trưởng khoa (viện trưởng hoặc phó viện trưởng), trưởng hoặc phó bộ môn liên quan đến thi tuyển sinh và cán bộ công nghệ thông tin;

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS Trường

a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn.

b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh.

c) Thu hoặc ủy quyền thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển.

d) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

e) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GDĐT và Bộ Xây dựng.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS Trường

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;

b) Báo cáo với Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;

c) Ra quyết định thành lập các ban chuyên môn theo quy định tại khoản 1 Điều này để giúp việc cho HĐTS Trường trong việc thực hiện công tác tuyển sinh; Trưởng các Ban chuyên môn phải là thành viên HĐTS Trường.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐTS Trường

Phó Chủ tịch HĐTS Trường thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS ủy quyền.

6. Tiêu chuẩn của các thành viên tham gia công tác tuyển sinh:

a) Là người có tinh thần trách nhiệm cao, vô tư, trung thực, có trình độ chuyên môn vững vàng và có kinh nghiệm đối với nhiệm vụ được phân công đảm nhiệm;

b) Phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Quy chế này, nếu sai phạm đều bị xử lý theo Quy chế của Bộ GDĐT.

c) Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào Trường không được tham gia HĐTS Trường và các ban chuyên môn của HĐTS Trường.

Điều 15. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS Trường

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS trường gồm có:

a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS trường kiêm nhiệm;

b) Các ủy viên: một số cán bộ Phòng Đào tạo hoặc Phòng Khảo thí, các khoa/viện, phòng liên quan và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS của Trường

a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm ĐKDT, xét tuyển trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

b) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tất cả các thông tin của Trường theo quy định tại Điều 10 của Quy chế của Bộ GDĐT để thực hiện xét tuyển;

c) Đối với công tác tổ chức kỳ thi năng khiếu: Tổ chức nhận hồ sơ ĐKDT, lệ phí ĐKDT, xét tuyển, in và gửi giấy báo dự thi cho thí sinh;

d) Chỉ đạo bộ phận máy tính triển khai hoạt động về sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông theo quy định của Quy chế của Bộ GDĐT;

e) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;

f) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;

g) Thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học;

h) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Quy chế này;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao;

Điều 16. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Đề thi

1. Thành phần Ban Đề thi gồm có:

- a) Trưởng ban do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐTS trường kiêm nhiệm;
- b) 03 (ba) cán bộ tham gia biên soạn và phản biện đề thi cho một môn thi;
- c) Giúp việc Ban Đề thi có một cán bộ làm nhiệm vụ đánh máy, in, đóng gói đề thi;
- d) Cán bộ bảo vệ, công an.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Đề thi

Giúp Chủ tịch HĐTS Trường xây dựng đề thi, in, đóng gói, bảo quản, phân phối đề thi theo các quy định tại Điều 20 và Điều 22 của Quy chế này.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng ban Đề thi

- a) Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác đề thi.
- b) Nêu yêu cầu chi tiết và cụ thể về cấu trúc, nội dung, độ khó, độ dài của từng môn thi.
- c) Mã hoá các đề thi và quyết định chọn đề thi chính thức và đề thi dự bị.
- d) Chỉ đạo xử lý các tình huống bất thường về đề thi.
- e) Chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch HĐTS Trường về chất lượng đề thi, không được phép có sai sót về nội dung; in đề thi đúng quy định, đủ số lượng theo yêu cầu và chịu trách nhiệm bảo mật đề thi tại nơi làm đề thi.

4. Nhiệm vụ của cán bộ làm đề thi

- a) Chuẩn bị các tài liệu cần thiết phục vụ việc ra đề thi và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Đề thi về việc sử dụng những tài liệu này;
- b) Xây dựng đề thi đáp ứng các yêu cầu về cấu trúc và nội dung đề thi quy định trong quy chế tuyển sinh theo sự phân công của Trưởng ban Đề thi;
- c) Chấp hành nghiêm chỉnh quy trình bảo mật đề thi;
- d) Chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng đề thi do mình phụ trách.

5. Nhiệm vụ của cán bộ phản biện đề thi

- a) Nắm vững yêu cầu về cấu trúc và nội dung đề thi;
- b) Kiểm tra tính chính xác, sự phù hợp và phát hiện sai sót của đề thi;

c) Đề xuất ý kiến bằng văn bản với Trưởng ban Đề thi về cấu trúc, nội dung đề thi, độ khó, độ dài, đáp án, thang điểm và các phương án bổ sung sửa chữa.

6. Nhiệm vụ của cán bộ giúp việc, cán bộ bảo vệ và cán bộ công an

a) Thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ cụ thể do Trưởng ban Đề thi giao phó;

b) Công an và người bảo vệ địa điểm làm đề thi có trách nhiệm bảo vệ an toàn khu vực làm đề thi, không cho những người không có nhiệm vụ vào khu vực làm đề thi; kiểm soát sự cách ly của những người tham gia làm đề thi với bên ngoài, thi hành các quy định và các biện pháp bảo đảm bí mật, an toàn khâu làm đề thi tại địa điểm làm đề thi;

c) Người được giao nhiệm vụ nào, ở vòng nào, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đó, ở vòng đó, không được tham gia vào các nhiệm vụ khác hoặc sang vòng khác;

d) Cán bộ bảo vệ và cán bộ công an không được tiếp xúc với việc biên soạn, đánh máy, in, đóng gói và xử lý tình huống đề thi.

Điều 17. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Coi thi

1. Thành phần Ban Coi thi gồm:

a) Trưởng ban do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐTS Trường kiêm nhiệm;

b) Ủy viên thường trực do một Ủy viên của HĐTS Trường được Chủ tịch HĐTS phân công kiêm nhiệm;

c) Các Ủy viên bao gồm một số trưởng phòng liên quan, một số trưởng khoa/viện trưởng, trưởng bộ môn;

d) Cán bộ coi thi (CBCT), cán bộ giám sát phòng thi là cán bộ, giảng viên thuộc các đơn vị của Trường.

e) Cán bộ trực đề thi là giảng viên thuộc các bộ môn có liên quan trực tiếp đến môn thi;

f) Cán bộ phục vụ thi: Công an, trật tự viên (bảo vệ), cán bộ y tế; cán bộ phụ trách cơ sở vật chất, hậu cần;

g) Nếu có nhiều điểm thi thì Trưởng ban Coi thi chỉ định một ủy viên của Ban làm Trưởng điểm thi.

2. Trưởng Ban Coi thi chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ công tác coi thi tại Hội đồng thi, quyết định xử lý các tình huống xảy ra trong các buổi thi trong phạm vi quyền hạn, trường hợp cần thiết phải báo cáo Chủ tịch HĐTS để xin ý kiến chỉ đạo.

3. CBCT, cán bộ giám sát phòng thi và các thành viên khác của Ban Coi thi chấp hành sự phân công của Trưởng ban Coi thi, thực hiện đúng các quy định của quy chế tuyển sinh; khi làm nhiệm vụ tại điểm thi phải tuân thủ sự điều hành của Trưởng điểm thi.

Điều 18. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Làm phách

1. Thành phần Ban Làm phách gồm:

a) Trưởng ban do một Ủy viên của HĐTS Trường được Chủ tịch HĐTS phân công kiêm nhiệm;

b) Các ủy viên là cán bộ thuộc một số đơn vị trong Trường, cán bộ bảo vệ, công an, phục vụ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Làm phách

a) Làm phách bài thi, niêm phong các túi bài thi đã làm phách theo quy định.

b) Bàn giao bài thi đã làm phách cho Ban Chấm thi và thực hiện các công tác nghiệp vụ liên quan.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS phân công.

3. Trưởng ban Làm phách chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐTS điều hành công tác của Ban Làm phách.

4. Các ủy viên Ban Làm phách chấp hành phân công của lãnh đạo Ban Làm phách.

5. Ban Làm phách làm việc độc lập với các Ban khác của HĐTS, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch HĐTS; chỉ được tiến hành công việc liên quan đến bài thi khi có mặt ít nhất từ 2 ủy viên của Ban Làm phách trở lên. Những người trong Ban Làm phách không được tham gia Ban Chấm thi.

Điều 19. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấm thi

1. Thành phần Ban Chấm thi bao gồm:

a) Trưởng ban do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐTS Trường kiêm nhiệm;

b) Tổ Thư ký chấm thi do một số cán bộ thuộc một số đơn vị trong Trường đảm nhiệm. Thành viên Ban Làm phách không được tham gia chấm thi hoặc làm thư ký chấm thi;

c) Các ủy viên gồm các cán bộ phụ trách từng môn chấm thi (gọi là Trưởng môn chấm thi), các cán bộ chấm thi (CBChT), cán bộ bảo vệ, công an, phục vụ. Mỗi môn thi có một Trưởng môn chấm thi và tối thiểu 6 CBChT. Các cán bộ tham gia biên soạn và phản biện đề thi không được tham gia chấm thi.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấm thi

Thực hiện toàn bộ công tác chấm thi theo quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng ban Chấm thi

Điều hành công tác chấm thi. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐTS về chất lượng, thời gian và quy trình chấm thi.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ Thư ký chấm thi

Tổ thư ký chấm thi có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của công tác chấm thi do Trưởng Ban Chấm thi phân công.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng môn chấm thi

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐTS và Trưởng ban Chấm thi về việc chấm các bài thi thuộc môn mình phụ trách.

b) Kiến nghị Trưởng ban Chấm thi thay đổi hoặc đình chỉ việc chấm thi đối với những CBChT thiếu trách nhiệm, vi phạm quy chế hoặc chấm sai sót nhiều.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của CBChT

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Chấm và Trưởng môn chấm thi về việc chấm các bài thi được phân công phụ trách.

b) Chấm thi phải đảm bảo khách quan, công bằng; nghiêm cấm mọi hành vi gian lận để can thiệp vào bài thi hoặc làm sai lệch điểm bài thi.

7. Nhiệm vụ của cán bộ bảo vệ, công an và cán bộ phục vụ

a) Thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ cụ thể do Trưởng ban Chấm thi giao.

b) Công an và người bảo vệ địa điểm chấm thi có trách nhiệm bảo vệ an toàn khu vực làm chấm thi, không cho những người không có nhiệm vụ vào khu vực chấm thi; thi hành các quy định và các biện pháp bảo đảm bí mật, an toàn tại địa điểm chấm thi.

Chương V

TỔ CHỨC KỲ THI NĂNG KHIẾU

Mục 1

CÔNG TÁC ĐỀ THI

Điều 20. Yêu cầu đối với đề thi

1. Mục tiêu

a) Bài thi Vẽ mỹ thuật 1 và môn thi Hình hoạ mỹ thuật nhằm phát hiện năng khiếu vẽ mỹ thuật của thí sinh.

b) Bài thi Vẽ mỹ thuật 2 và môn thi Bố cục trang trí màu nhằm phát hiện năng khiếu thẩm mỹ, tạo hình của thí sinh.

2. Yêu cầu đối với đề thi

Ngoài việc áp dụng các yêu cầu chung về đề thi tuyển sinh đại học hệ chính

quy của Bộ GDĐT, các đề thi tuyển sinh vào các ngành năng khiếu của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội còn phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể như sau:

a) Bài thi Vẽ mỹ thuật 1

Đề thi gồm có mẫu đầu tượng và phân viết các yêu cầu của đề thi.

Mẫu đầu tượng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đầu tượng người đứng về giải phẫu học được đúc bằng thạch cao trắng;
- Mẫu đầu tượng được chọn phải phù hợp với mục tiêu phát hiện được năng khiếu mỹ thuật của thí sinh;

b) Bài thi Vẽ mỹ thuật 2

Đề thi dạng văn bản, bao gồm các yêu cầu về bố cục tạo hình. Đề thi phải đáp ứng yêu cầu phát hiện được khả năng tư duy, nhận thức thẩm mỹ và khả năng thể hiện của thí sinh.

c) Môn Hình hoạ mỹ thuật: Vẽ người mẫu dạng bán thân (từ đầu gối trở lên)

Đề thi gồm có người mẫu nam tư thế ngồi (cởi trần, mặc quần đùi) và phân viết các yêu cầu của đề thi.

Người mẫu được chọn phải phù hợp với mục tiêu phát hiện được năng khiếu mỹ thuật của thí sinh;

d) Môn Bố cục trang trí màu:

Đề thi dạng văn bản, thể hiện các yêu cầu về vẽ bố cục trang trí màu và phải đáp ứng yêu cầu phát hiện được khả năng tư duy, nhận thức thẩm mỹ và khả năng thể hiện của thí sinh.

e) Phân viết của đề thi sử dụng tiếng Việt, từ ngữ mang tính phổ thông, dễ hiểu.

f) Đề thi đảm bảo thời gian làm bài phù hợp với thời gian thi.

g) Mỗi đề thi phải có đáp án và thang điểm kèm theo.

3. Chuẩn bị mẫu vẽ

a) Mẫu vẽ (đầu tượng, người thật) do Hiệu trưởng ký hợp đồng với đơn vị có đủ tiêu chuẩn và thẩm quyền cung cấp. Đơn vị cung cấp mẫu vẽ phải đảm bảo các điều kiện về mẫu đề thi được quy định trong các khoản 1 và 2 Điều này và công tác bảo mật trong quá trình tạo mẫu, chọn mẫu, vận chuyển theo các quy định của Bộ GDĐT và các điều khoản của hợp đồng.

b) Số lượng mẫu vẽ cần thiết được tính dựa trên điều kiện đảm bảo mỗi phòng thi có một mẫu vẽ và một số mẫu dự phòng.

c) Kế hoạch, phương thức triển khai thực hiện và các điều kiện đảm bảo đề vận chuyển mẫu đầu tượng từ nơi tiếp nhận đến kho lưu trữ do một thành viên thuộc HĐTS Trường được Chủ tịch HĐTS giao nhiệm vụ xây dựng, trình Chủ tịch HĐTS phê duyệt và được thực hiện dưới sự điều hành trực tiếp của Chủ tịch HĐTS, đảm bảo thực hiện đúng theo chế độ bảo mật đề thi hiện hành.

d) Mẫu đầu tượng phải được lưu giữ tại kho đảm bảo an toàn, được khoá bằng 2 khoá và niêm phong trước sự chứng kiến của thanh tra thi và công an; chìa khoá do Thường trực HĐTS giữ một chìa, thanh tra thi giữ một chìa.

Điều 21. Khu vực làm đề thi và các yêu cầu bảo mật

1. Đề thi, hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm chưa công bố thuộc danh mục bí mật Nhà nước độ “Tối mật”.

2. Việc ra đề thi, in sao đề thi (gọi chung là làm đề thi) phải được thực hiện tại một địa điểm an toàn, biệt lập và được bảo vệ nghiêm ngặt suốt thời gian làm đề thi cho đến hết thời gian thi môn cuối cùng của tổ hợp xét tuyển, có đầy đủ phương tiện bảo mật, phòng cháy, chữa cháy.

3. Các thành viên tham gia làm đề thi đều phải cách ly triệt để với bên ngoài. Trong trường hợp cần thiết và được sự đồng ý bằng văn bản của Trưởng ban Đề thi thì các thành viên mới được phép liên hệ với bên ngoài bằng điện thoại cố định, có loa ngoài, có ghi âm dưới sự giám sát của cán bộ bảo vệ, công an.

4. Danh sách những người tham gia làm đề thi phải được giữ bí mật trước, trong và sau kỳ thi. Người làm việc trong khu vực cách ly phải đeo phù hiệu và chỉ hoạt động trong phạm vi cho phép, chỉ được ra khỏi khu vực cách ly sau khi hết thời gian thi môn cuối cùng của tổ hợp xét tuyển. Trong trường hợp đặc biệt, được sự đồng ý bằng văn bản của Trưởng ban Đề thi, các thành viên mới được phép ra khỏi khu vực cách ly dưới sự giám sát của công an.

5. Phong bì chứa đề thi để giao, nhận, vận chuyển đề thi từ nơi làm đề thi ra bên ngoài phải được làm bằng giấy đủ độ bền, kín, tối và được dán chặt, không bong mép, có đủ nhãn và dấu niêm phong. Nội dung in trên phong bì phải theo quy định của Bộ GDĐT.

6. Toàn bộ quá trình giao nhận, vận chuyển đề thi phải được công an giám sát; các phong bì chứa đề thi phải được đựng an toàn trong các thùng có khoá và được niêm phong trong quá trình giao nhận, vận chuyển.

7. Máy móc và thiết bị tại nơi làm đề thi, dù bị hư hỏng hay không dùng đến, chỉ được đưa ra ngoài khu vực cách ly sau khi hết thời gian thi môn cuối cùng.

Điều 22. Quy định về ra đề thi; in sao đề thi; bàn giao đề thi

1. Quy định về ra đề thi

a) Mỗi môn thi được ra 03 đề thi kèm theo đáp án và thang điểm.

b) Tổ chức phản biện đề thi với 3 người thẩm định độc lập. Mỗi người thẩm định 1 (một) đề thi và không được thẩm định đề thi của chính người đó.

b) Các đề thi sau khi phản biện và đạt yêu cầu phải được Trường ban Đề thi mã hóa. Trường ban Đề thi rút thăm ngẫu nhiên 01 đề thi trong 03 đề thi đã được mã hóa làm đề thi chính thức; rút thăm ngẫu nhiên 01 đề thi trong 02 đề thi đã được mã hóa còn lại làm đề thi dự phòng.

c) Toàn bộ các đề thi do cán bộ tham gia biên soạn, đề thi chính thức và đề thi dự phòng, các đáp án và thang điểm cùng tất cả các tài liệu liên quan khác, khi chưa được công bố, đều được coi là tài liệu tối mật do Trường ban Đề thi cất giữ theo chế độ bảo mật.

2. In sao đề thi

a) In sao đề thi lần lượt cho từng môn thi; đóng gói đủ số lượng đề thi cho mỗi phòng thi bằng với số lượng thí sinh trong danh sách thí sinh của phòng thi đó với một số đề dư (do Trường ban Đề thi quy định).

b) Đóng gói túi đựng đề thi đúng số lượng đề thi, đúng môn thi ghi ở vỏ ngoài túi đựng đề thi, đủ số lượng đề thi cho từng điểm thi, từng phòng thi. Túi đựng đề thi được đóng gói, ký và niêm phong theo từng phòng thi. Nếu môn thi có nhiều phòng thi thì các túi đựng đề thi được buộc lại theo thứ tự phòng thi và niêm phong dây buộc, có chữ ký của Trường ban Đề thi.

c) Trường ban Đề thi quản lý các túi đựng đề thi; kể cả các bản in thừa, in hỏng, mờ, xấu, rách, bản... đã bị loại ra.

Sau khi kết thúc đợt thi, Trường ban Đề thi bàn giao các đề thi nguồn, đề thi chính thức, đề thi dự phòng và các đáp án cho Chủ tịch HĐTS; ký xác nhận trong biên bản bàn giao; tổ chức tiêu hủy toàn bộ các bản in thừa, lỗi, hỏng, rách...

3. Bàn giao đề thi cho Ban Coi thi

a) Trường ban Đề thi bàn giao các túi đề thi chính thức (bao gồm các túi đựng đề thi cho các phòng thi và 01 túi đựng đề thi dành cho Ban Chỉ đạo điểm thi) cho Ban Coi thi. Ban Coi thi cử người nhận đề thi tại thời điểm theo kế hoạch tổ chức thi.

b) Người nhận đề thi có trách nhiệm đếm số túi đựng đề thi, kiểm tra thông tin môn thi và tình trạng niêm phong. Sau khi đã đếm đủ số túi đựng đề thi đáp ứng đủ các điều kiện theo yêu cầu, người nhận đề thi cho các túi đựng đề thi vào

hòm (thùng) đựng đề thi, khóa và niêm phong hòm đựng đề thi, đồng thời nhận chìa khoá được bàn giao từ Trưởng ban Đề thi; Trưởng ban Đề thi và người nhận đề thi cùng ký xác nhận vào Biên bản bàn giao đề thi có xác nhận của công an trong Ban Đề thi.

c) Hòm đựng đề thi được bảo vệ nghiêm ngặt và được vận chuyển đến Ban Coi thi ở điểm thi, dưới sự giám sát và bảo vệ của công an trong quá trình vận chuyển.

4. Kết thúc làm đề thi

Trưởng ban Đề thi làm biên bản kết thúc cách ly Ban Đề thi có đủ chữ ký xác nhận của tất cả các thành viên của Ban Đề thi.

Ban Đề thi kết thúc làm việc và ra khỏi khu vực cách ly sau khi hết thời gian thi môn cuối cùng của tổ hợp xét tuyển.

Mục 2

CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI

Điều 23. Quy định thời gian thi và địa điểm thi

1. Thời gian làm bài thi

a) Môn thi năng khiếu để xét tuyển vào các ngành có tổ hợp xét tuyển V00 là môn Vẽ mỹ thuật gồm 2 bài thi, thực hiện trong 1 ngày. Thời gian thi của từng bài như sau:

- Bài thi Vẽ mỹ thuật 1: Thời gian làm bài là 210 phút;
- Bài thi Vẽ mỹ thuật 2: Thời gian làm bài là 150 phút.

b) Môn thi năng khiếu để xét tuyển vào các ngành có tổ hợp xét tuyển H00 được thực hiện trong 1 ngày. Thời gian thi của từng môn như sau:

- Môn Hình hoạ mỹ thuật: Thời gian làm bài là 240 phút;
- Môn Bố cục trang trí màu: Thời gian làm bài là 240 phút.

2. Thời gian tổ chức kỳ thi năng khiếu được xác định dựa vào các mốc thời gian của kỳ thi tốt nghiệp THPT, được công bố công khai trên cổng thông tin tử và trên cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường.

3. Chậm nhất 1 tuần trước kỳ thi, HĐTS Trường phải tổ chức các điểm thi và chuẩn bị đủ số phòng thi cần thiết. Mỗi phòng thi phải đáp ứng các tiêu chuẩn để tổ chức thi các môn năng khiếu. Vị trí phòng thi phải an toàn, yên tĩnh. Mỗi phòng thi phải có hai cán bộ coi thi.

4. Chủ tịch HĐTS Trường căn cứ số lượng thí sinh ĐKDT năng khiếu và điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ để quyết định thành lập một điểm thi đặt

tại Trường hoặc một số điểm thi (tại Trường và tại các cơ sở giáo dục khác đáp ứng được các yêu cầu tổ chức thi, thông qua hợp đồng thuê địa điểm thi và cán bộ tham gia kỳ thi).

Điều 24. Làm thủ tục dự thi cho thí sinh

1. Căn cứ dữ liệu thí sinh ĐKDT năng khiếu vào Trường, trước ngày thi, Ban Thư ký hoàn thành danh sách thí sinh (kể cả Danh sách ảnh của thí sinh) của từng phòng thi; làm Thẻ dự thi; xác định địa điểm làm thủ tục dự thi cho thí sinh và gửi Giấy báo dự thi cho thí sinh.

2. Trong ngày làm thủ tục dự thi, theo đúng lịch đã công bố, Ban Coi thi hướng dẫn thí sinh làm thủ tục dự thi, phổ biến quy chế tuyển sinh; ghi xác nhận và cập nhật vào máy tính những bổ sung, điều chỉnh những sai sót về họ, tên, đối tượng, hộ khẩu thường trú, khu vực, môn thi... của thí sinh.

Điều 25. Trách nhiệm của cán bộ coi thi và của các thành viên khác trong Ban Coi thi

1. Cán bộ coi thi

a) Phải có mặt đúng giờ tại điểm thi để làm nhiệm vụ. Trong khi thực hiện nhiệm vụ coi thi, không được mang các thiết bị thu phát thông tin; không được làm việc riêng, không được hút thuốc, uống bia, rượu và các đồ uống có cồn khác.

b) Khi có hiệu lệnh, CBCT thứ nhất gọi tên thí sinh vào phòng thi, sử dụng Thẻ dự thi, Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân (gọi chung là Giấy chứng minh nhân dân) và Danh sách ảnh của thí sinh để đối chiếu, nhận diện thí sinh. CBCT thứ hai hướng dẫn thí sinh ngồi đúng chỗ quy định và kiểm tra các vật dụng thí sinh mang vào phòng thi, tuyệt đối không để thí sinh mang vào phòng thi mọi tài liệu và vật dụng bị cấm theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 26 của Quy chế này. Với các môn Vẽ mỹ thuật 1, Hình họa mỹ thuật, CBCT thứ hai còn phải quan sát và bảo vệ mẫu vẽ (không cho thí sinh đến gần, làm thay đổi vị trí, tư thế hoặc mở hộp chứa mẫu vẽ...).

c) Đến giờ quy định, CBCT thứ nhất đi nhận đề thi. CBCT thứ hai phát giấy thi, giấy nháp cho thí sinh, nhắc nhở thí sinh những điều cần thiết về kỷ luật phòng thi; hướng dẫn và kiểm tra thí sinh ghi số báo danh và điền đủ vào các mục cần thiết của giấy thi trước khi làm bài, *nhắc thí sinh chỉ được vẽ trên mặt có đóng dấu phách của tờ giấy thi*; ghi rõ họ tên và ký tên vào các tờ giấy thi, giấy nháp đủ để phát cho thí sinh (không ký thừa); bảo vệ mẫu vẽ.

d) Khi có hiệu lệnh, CBCT thứ nhất giơ cao phong bì đề thi để thí sinh thấy rõ cả mặt trước và mặt sau còn nguyên nhãn niêm phong, yêu cầu hai thí sinh chứng kiến và ký vào biên bản xác nhận bì đề thi còn nguyên nhãn niêm phong;

mở bì đựng đề thi, kiểm tra số lượng đề thi, nếu thừa, thiếu hoặc lẫn đề khác, cần báo ngay cho Trưởng điểm thi xử lý; phát đề thi cho từng thí sinh.

Với bài thi Vẽ mỹ thuật 1, CBCT thứ hai quan sát bảo vệ mẫu vẽ. Ngay sau khi CBCT thứ nhất phát xong đề cho thí sinh cuối cùng trong phòng thi, CBCT thứ hai mở hộp chứa mẫu vẽ (dùng hai tay nhắc vỏ hộp từ từ và nhẹ nhàng lên phía trên, tuyệt đối tránh làm thay đổi vị trí, tư thế hoặc làm rơi, vỡ mẫu vẽ).

e) Khi thí sinh bắt đầu làm bài, CBCT thứ nhất đối chiếu ảnh trong Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ dự thi và Danh sách ảnh của thí sinh với thí sinh để nhận diện thí sinh, ghi rõ họ tên và ký vào các tờ giấy thi, giấy nháp của thí sinh; CBCT thứ hai bao quát chung, bảo vệ mẫu vẽ. Trong giờ làm bài, một CBCT bao quát từ đầu phòng đến cuối phòng, CBCT còn lại bao quát từ cuối phòng đến đầu phòng cho đến hết giờ thi; CBCT không được đứng gần thí sinh, giúp đỡ thí sinh làm bài thi dưới bất kỳ hình thức nào; chỉ được trả lời công khai các câu hỏi của thí sinh trong phạm vi quy định.

Việc CBCT ký và ghi họ tên vào tờ giấy thi, giấy nháp phát bổ sung cho thí sinh được thực hiện theo quy trình quy định tại điểm c, điểm e khoản 1 Điều này.

f) CBCT phải bảo vệ đề thi trong giờ thi, không để lọt đề thi ra ngoài phòng thi. Sau khi tính giờ làm bài 15 phút, CBCT thứ nhất cùng với thư ký điểm thi được Trưởng điểm thi phân công kiểm đếm và niêm phong đề thi thừa tại phòng thi. Sau đó thư ký điểm thi mang các túi đựng đề thi thừa về phòng của Ban Chỉ đạo điểm thi để bàn giao cho Trưởng điểm thi.

g) Chỉ cho thí sinh ra khỏi phòng thi sớm nhất sau 2/3 thời gian làm bài, sau khi thí sinh đã nộp bài làm và đề thi. Nếu thí sinh có nhu cầu chính đáng, nhất thiết phải tạm thời ra khỏi phòng thi thì CBCT phải báo cho cán bộ giám sát phòng thi để kịp thời báo cáo Trưởng điểm thi giải quyết.

h) Nếu có thí sinh vi phạm kỷ luật thì CBCT phải lập biên bản xử lý theo đúng quy định. Nếu có tình huống bất thường phải báo cáo ngay cho Trưởng điểm thi.

i) 15 phút trước khi hết giờ làm bài, CBCT thông báo thời gian còn lại cho thí sinh biết.

j) Khi có hiệu lệnh hết giờ làm bài, CBCT thứ nhất phải yêu cầu thí sinh ngừng làm bài và tiến hành thu bài, kể cả bài thi của thí sinh đã bị thi hành kỷ luật. CBCT thứ hai duy trì trật tự và kỷ luật phòng thi, bảo vệ mẫu đề thi; CBCT thứ nhất vừa gọi tên từng thí sinh lên nộp bài vừa nhận bài thi của thí sinh. Khi nhận bài, phải yêu cầu thí sinh ký tên vào bản danh sách thí sinh dự thi và Phiếu thu bài thi. Thu xong toàn bộ bài thi mới cho phép các thí sinh rời phòng thi.

k) Các CBCT kiểm tra sắp xếp bài thi theo thứ tự tăng dần của số báo danh. Các biên bản xử lý kỷ luật (nếu có) phải kèm theo bài thi của thí sinh. CBCT thứ nhất trực tiếp mang túi bài thi, mẫu đề thi (với bài thi Vẽ mỹ thuật 1) cùng CBCT thứ hai đến bàn giao bài thi cho thư ký của điểm thi ngay sau mỗi buổi thi. Mỗi túi bài thi phải được kiểm tra công khai và đối chiếu số bài (số tờ) kèm theo bản theo dõi thí sinh, Phiếu thu bài thi và các biên bản xử lý kỷ luật cùng tang vật (nếu có).

l) Sau khi kiểm đủ số bài thi, số tờ giấy thi và các thông tin cần thiết khác theo quy định, thư ký điểm thi cho tất cả bài thi cùng biên bản (nếu có) vào túi đựng bài thi của phòng thi, cùng hai CBCT niêm phong túi đựng bài thi tại chỗ. Mỗi túi bài thi dán 3 nhãn niêm phong vào chính giữa 3 mép dán, hai CBCT ký giáp lai giữa nhãn niêm phong và túi đựng bài thi. Thư ký của Điểm thi và hai CBCT ký, ghi rõ họ tên vào mặt trước của túi đựng bài thi và vào biên bản bàn giao.

Thư ký nhận bài thi chịu trách nhiệm đóng dấu giáp lai vào các nhãn niêm phong và bàn giao túi bài thi cho Trưởng điểm thi.

2. Hoạt động giám sát thi

a) Chủ tịch Hội đồng thi bố trí 01 cán bộ giám sát từ 5 đến 7 phòng thi.

b) Cán bộ giám sát là người có kinh nghiệm trong công tác tổ chức thi, nắm vững quy chế tuyển sinh.

c) Cán bộ giám sát thi có trách nhiệm:

- Giám sát việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của CBCT, cán bộ phục vụ thi;
- Kịp thời nhắc nhở CBCT, cán bộ phục vụ thi và lập biên bản nếu các đối tượng trên vi phạm quy chế tuyển sinh;
- Kiến nghị Chủ tịch HĐTS đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ hoặc thay đổi CBCT, cán bộ phục vụ thi nếu có vi phạm;
- Yêu cầu CBCT lập biên bản thí sinh vi phạm quy chế tuyển sinh;
- Phối hợp với các đoàn thanh tra thi trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm.

3. Cán bộ phục vụ vận chuyển mẫu vẽ

a) Trong buổi thi bài thi Vẽ mỹ thuật 1 phải có mặt đúng giờ tại điểm thi để làm nhiệm vụ tiếp nhận và vận chuyển mẫu vẽ từ nơi bảo quản đến phòng thi được phân công phụ trách. Tuyệt đối không được để mất, làm đổ vỡ hay hư hỏng mẫu vẽ. Trong khi thực hiện nhiệm vụ, không được mang các thiết bị thu phát thông tin.

b) Trong lúc chờ bàn giao mẫu vẽ cho CBCT, phải có trách nhiệm bảo vệ mẫu vẽ trong các phòng thi, không được đến gần mẫu vẽ, hay có các hành động khác có thể làm lộ mẫu vẽ.

c) Chỉ được ra khỏi khu vực thi sau khi bài thi Vẽ mỹ thuật 1 đã diễn ra được 2/3 thời gian.

4. Nhiệm vụ của cán bộ trực đề thi

a) Đảm nhận công tác bày mẫu vẽ; điều chỉnh ánh sáng và các yếu tố khác cho phù hợp với bài thi tại từng phòng thi.

b) Kiểm tra và đảm bảo tính chính xác của đề thi.

c) Đề xuất biện pháp xử lý khi phát hiện các sự cố như: đề thi có sai sót; mẫu vẽ bị thay đổi (cả về tư thế, vị trí, đồ vỡ...); ánh sáng trong phòng thi thay đổi.

5. Bảo vệ, công an

a) Người được phân công bảo vệ khu vực nào có trách nhiệm giữ gìn trật tự an ninh tại khu vực đó, không được sang các khu vực khác.

b) Không để bất kỳ người nào không có trách nhiệm vào khu vực mình phụ trách. Không bỏ vị trí, không tiếp khách trong khi làm nhiệm vụ. Không được vào phòng thi; không được trao đổi với thí sinh.

c) Báo cáo Trưởng điểm thi về các tình huống xảy ra trong thời gian thi để kịp thời xử lý.

d) Công an được cử đến hỗ trợ HĐTS thi còn có nhiệm vụ áp tải, bảo vệ an toàn đề thi và bài thi.

6. Nhân viên y tế

a) Có mặt thường xuyên trong suốt thời gian thi tại địa điểm do HĐTS quy định để xử lý các trường hợp thí sinh đau ốm.

b) Khi Trưởng điểm thi thông báo có thí sinh đau ốm bất thường trong thời gian thi, phải kịp thời điều trị hoặc cho đi bệnh viện cấp cứu, nếu cần thiết (có cán bộ giám sát và công an đi cùng).

c) Nghiêm cấm việc lợi dụng khám chữa bệnh tại chỗ để có những hành động vi phạm quy chế tuyển sinh.

Điều 26. Trách nhiệm của thí sinh trong kỳ thi

1. ĐKDT theo quy định tại các Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này và theo hướng của Bộ GDĐT.

2. Có mặt tại phòng thi đúng thời gian quy định theo thông tin ghi trong Giấy báo dự thi để làm thủ tục dự thi:

a) Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân và nhận Thẻ dự thi;

b) Nếu thấy có những sai sót về họ, đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh, đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên, môn thi... phải báo cáo ngay cho cán bộ của HĐTS để xử lý kịp thời;

c) Trường hợp bị mất Giấy chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ cần thiết khác, phải báo cáo ngay cho Trưởng điểm thi để xem xét, xử lý.

3. Có mặt tại địa điểm thi đúng thời gian quy định, chấp hành hiệu lệnh của Ban Coi thi và hướng dẫn của cán bộ coi thi. Thí sinh đến chậm quá 15 phút sau khi có hiệu lệnh tính giờ làm bài sẽ không được dự thi buổi thi đó.

4. Khi vào phòng thi, phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Trình Thẻ dự thi cho CBCT;

b) Trình Giấy chứng minh nhân dân (nếu CBCT yêu cầu);

c) Thí sinh tự chuẩn bị trước và được mang vào phòng thi các dụng cụ, vật dụng cần thiết, không thuộc danh mục cấm của Bộ GDĐT, để thực hiện bài thi;

d) Không được mang vào phòng thi vũ khí, chất gây nổ, gây cháy, bia, rượu, giấy than, bút xóa, tài liệu, thiết bị truyền tin hoặc chứa thông tin có thể lợi dụng để gian lận trong quá trình làm bài thi và quá trình chấm thi.

5. Trong phòng thi, phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Ngồi đúng vị trí có ghi số báo danh của mình hoặc theo chỉ dẫn sắp xếp của CBCT;

b) Trước khi làm bài thi, phải ghi đầy đủ số báo danh (cả phần chữ và phần số) vào đề thi, giấy thi, giấy nháp;

c) Khi nhận đề thi, phải kiểm tra kỹ đề thi. Nếu phát hiện thấy đề thi rách, hỏng, nhoè, mờ hoặc có dấu hiệu bất thường, phải báo cáo ngay với CBCT trong phòng thi, chậm nhất 15 phút sau khi phát đề;

d) Không được trao đổi, bàn bạc, quay cốp hoặc có những cử chỉ, hành động gian lận và làm mất trật tự phòng thi. Muốn phát biểu phải giơ tay để báo cáo CBCT. Khi được phép nói, thí sinh đứng trình bày công khai với CBCT ý kiến của mình;

e) Không được đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng;

f) Khi có hiệu lệnh hết giờ làm bài, phải ngừng làm bài ngay;

g) Khi nộp bài thi, phải ký xác nhận vào Phiếu thu bài thi. Không làm được bài cũng phải nộp tờ giấy thi. Không nộp giấy nháp;

h) Thí sinh chỉ có thể được ra khỏi phòng thi và khu vực thi sau khi hết 2/3 thời gian làm bài của buổi thi, phải nộp bài thi kèm theo đề thi, giấy nháp trước khi ra khỏi phòng thi;

i) Trong trường hợp cần thiết, chỉ được ra khỏi phòng thi khi được phép của CBCT và phải chịu sự giám sát của cán bộ giám sát; trường hợp cần cấp cứu, việc ra khỏi phòng thi và khu vực thi của thí sinh do Trưởng điểm thi quyết định.

6. Khi có sự việc bất thường xảy ra, phải tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của CBCT.

Mục 3

CÔNG TÁC CHẤM THI

Điều 27. Khu vực chấm thi, bảo quản bài thi

1. Khu vực chấm thi bao gồm nơi chấm thi và nơi bảo quản bài thi được bố trí gần nhau, có người bảo vệ 24 giờ/ngày, có đủ phương tiện phòng cháy, chữa cháy.

2. Nơi bảo quản bài thi phải được niêm phong và khoá bằng 2 khoá, chìa khoá do Thường trực HĐTS Trường và Thanh tra tuyển sinh giữ (mỗi người giữ chìa của 1 khoá) và trực tiếp đóng, mở khoá. Phải đảm bảo cách khoá sao cho chỉ mở được cửa khi và chỉ khi cả hai khoá được mở.

3. Tuyệt đối không được mang các phương tiện thu phát thông tin, sao chép tài liệu, giấy tờ riêng, tẩy, bút xóa, bút chì và các loại bút không nằm trong quy định của Ban Chấm thi khi vào và ra khỏi khu vực chấm thi.

Điều 28. Thang điểm và hệ số

1. Thang điểm chấm thi các bài thi năng khiếu là thang điểm 5 đối với các bài thi Vẽ mỹ thuật 1 và Vẽ mỹ thuật 2; thang điểm 10 đối với các môn Hình hoạ mỹ thuật và Bố cục trang trí màu. Các ý nhỏ được chấm điểm lẻ đến 0,5 điểm.

2. Điểm môn Vẽ mỹ thuật được nhân hệ số 2,0. Trong Giấy chứng nhận kết quả thi, chỉ ghi điểm môn thi chưa nhân hệ số. Khi thông báo điểm trúng tuyển (tổng điểm các môn thi), phải ghi rõ môn Vẽ mỹ thuật được nhân hệ số 2,0.

3. Khi chấm thi không quy tròn điểm từng bài thi.

Điều 29. Quy định về chấm thi

1. CBChT phải chấm bài thi đúng theo thang điểm và đáp án chính thức đã được Chủ tịch HĐTS phê duyệt.

2. Tổ chức chấm thi theo quy trình chấm hai vòng độc lập theo hình thức chấm tập thể cho mỗi bài thi.

Xử lý kết quả chấm sau 2 vòng chấm để xác định điểm chính thức như sau:

Tình huống	Cách xử lý
Điểm toàn bài hoặc điểm thành phần bằng nhau hoặc lệch nhau (trừ trường hợp cộng nhằm điểm) 0,5 điểm.	Hai tổ CBChT thảo luận và thống nhất điểm. Điểm chính thức do Tổ trưởng Tổ CBChT lần thứ nhất hoặc Tổ trưởng Tổ CBChT lần thứ hai ghi vào bài thi, ký và ghi đầy đủ họ tên vào bài thi. Nếu điểm chính thức là điểm của lần chấm thứ hai thì không cần ghi lại điểm.

Tình huống	Cách xử lý
Điểm toàn bài hoặc điểm thành phần lệch nhau (trừ trường hợp cộng nhằm điểm) từ 1,0 đến 1,5 điểm.	Hai tổ CBChT báo cáo Trưởng môn chấm thi, thảo luận và thống nhất điểm (không sửa chữa điểm trong phiếu chấm hoặc điểm trong bài thi). Điểm chính thức do Tổ trưởng Tổ CBChT lần thứ nhất hoặc Tổ trưởng Tổ CBChT lần thứ hai ghi vào bài thi, ký và ghi đầy đủ họ tên vào bài thi. Nếu điểm chính thức là điểm của lần chấm thứ hai thì không cần ghi lại điểm. Nếu thảo luận mà không thống nhất được điểm thì Trưởng môn chấm thi quyết định điểm, ghi điểm chính thức vào bài thi, ký và ghi đầy đủ họ tên vào bài thi.
Điểm toàn bài hoặc điểm thành phần lệch nhau (trừ trường hợp cộng nhằm điểm) từ 2,0 điểm trở lên.	Trưởng môn chấm thi trực tiếp chấm lần thứ 3, ghi điểm chính thức vào bài thi, ký và ghi đầy đủ họ tên vào bài thi.

3. Không tổ chức chấm kiểm tra và không chấm phúc khảo bài thi các môn năng khiếu.

4. Tất cả các khâu trong quá trình chấm thi (giao nhận, kiểm đếm bài thi và các tài liệu liên quan khác, những tình huống phát sinh...) đều phải được ghi vào sổ nhật ký chấm thi hoặc được lập biên bản có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan.

Điều 30. Quản lý điểm bài thi

1. Sau khi chấm thi xong tất cả các môn thi, Chủ tịch HĐTS Trường duyệt kết quả thi, chỉ đạo Ban Thư ký HĐTS hoàn thiện các bước tiếp theo và công bố điểm thi của thí sinh trên trang điện tử và trang thông tin tuyển sinh của Nhà trường.

2. Tất cả các tài liệu liên quan đến điểm bài thi đều phải niêm phong và do Thường trực HĐTS Trường trực tiếp bảo quản.

Chương VI

XÉT TUYỂN VÀ TRIỆU TẬP THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

Điều 31. Tổ chức xét tuyển

1. Nguyên tắc xét tuyển

a) Thí sinh có đủ các điều kiện quy định tại Điều 8 của Quy chế này có quyền ĐKXT.

b) Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng, số trường và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong xét tuyển đợt 1, đối với từng trường, ngành/nhóm ngành, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký, trừ quy định tại điểm d khoản này. Đối với mỗi thí sinh, nếu ĐKXT vào nhiều trường/ngành thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

c) Sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT, thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT một lần trong thời gian quy định, bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại nơi ĐKDT.

d) Điểm xét tuyển được quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì ưu tiên các thí sinh có điểm năng khiếu cao hơn đối với các tổ hợp V00, H00; có điểm Toán cao hơn đối với các tổ hợp còn lại; nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn; các trường hợp khác do Chủ tịch HĐTS Trường quyết định.

2. Trách nhiệm của thí sinh

Ngoài việc thực hiện các quy định tại các Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này, thí sinh còn có trách nhiệm sau:

a) Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung (nếu có).

b) Thí sinh xác nhận nhập học vào trường đã trúng tuyển trong thời hạn quy định bằng cách gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi về Trường bằng một trong các hình thức sau:

- Nộp trực tiếp tại Trường tại Bộ phận một cửa, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (tầng 1 nhà nối U-A), địa chỉ: Km10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội;

- Gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện về Phòng Đào tạo, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, địa chỉ: Km10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội.

3. Trách nhiệm của Nhà trường về công tác xét tuyển đợt 1, xét tuyển đợt tiếp theo (nếu có) được thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 6 và 7 Điều 10 của Quy chế của Bộ GDĐT.

Điều 32. Quy trình xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Nguyên tắc xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

a) Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được xét tuyển vào ngành đúng trước, sau đó xét tuyển vào ngành gần.

b) Ưu tiên cộng điểm cho các thí sinh thuộc diện ưu tiên xét tuyển trước khi xây dựng phương án điểm, sau đó xét tuyển những thí sinh diện này như những thí sinh ĐKXT khác. Nếu thí sinh đạt nhiều giải cùng một môn/lĩnh vực thì chỉ được hưởng một tiêu chuẩn cộng điểm cao nhất.

2. Quy trình xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

a) Thí sinh gửi hồ sơ ĐKXT thẳng và ưu tiên xét tuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo (Sở GDĐT) địa phương hoặc về Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội theo hướng dẫn về hồ sơ và thủ tục ĐKXT thẳng được quy định Điều 10 và Điều 13 của Quy chế này.

b) Sở GDĐT gửi hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đến Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

c) Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho các Sở GDĐT để thông báo cho thí sinh.

d) Thí sinh trúng tuyển thẳng gửi hồ sơ và xác nhận nhập học tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

e) Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội báo cáo Bộ GDĐT kết quả xét tuyển thẳng.

3. Thời thực hiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và thông báo của Nhà trường.

Điều 33. Xét tuyển bằng phương thức dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT và phương thức kết hợp

Xét tuyển bằng phương thức dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT, xét tuyển bằng phương thức thi tuyển kết hợp với xét tuyển (đối với các ngành năng khiếu) được thực hiện theo quy trình, hướng dẫn, kế hoạch và lịch trình của Bộ GDĐT và theo thông báo của Nhà trường.

Điều 34. Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT

Căn cứ vào điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển, điểm ưu tiên (nếu có) và ngành/nhóm ngành mà thí sinh ĐKXT, Ban Thư ký HĐTS xác định điểm xét tuyển của từng thí sinh theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

Điểm xét tuyển của thí sinh được xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp. Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh theo phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT được quy định ở khoản 1 Điều 3 của Quy chế này, Ban Thư ký HĐTS đề xuất điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển để trình HĐTS Trường xem xét, phê duyệt.

Điều 35. Thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học

1. HĐTS Trường gửi giấy thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học khi thí sinh đã đáp ứng đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Quy chế này.

2. Thí sinh trúng tuyển vào trường cần nộp bản sao hợp lệ những giấy tờ sau đây:

a) Học bạ (đối với thí sinh trúng tuyển bằng phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT, cần mang theo học bạ gốc để kiểm tra, đối chiếu);

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với những người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp THPT đối với những người đã tốt nghiệp các năm trước. Những người mới nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học sau phải xuất trình bản chính bằng tốt nghiệp THPT để đối chiếu kiểm tra;

c) Giấy khai sinh;

d) Các minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên quy định trong văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT;

3. Đối với thí sinh đến trường nhập học chậm sau 15 ngày trở lên kể từ ngày ghi trong thông báo nhập học:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như bỏ học;

b) Nếu đến chậm do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, các trường xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

Điều 36. Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Khi thí sinh đến nhập học, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên phải tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp theo quy định tại khoản 2 (trừ điểm a) Điều 35 của Quy chế này.

2. Trong quá trình sinh viên đang theo học tại Trường, Nhà trường tổ chức thanh, kiểm tra hồ sơ và kết quả thi của thí sinh theo quy định.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. KTS. Lê Quân